

Bản án số: 28/2022/DS-ST  
Ngày 18 - 02 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng thuê  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Văn Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:***  
Ông Dương Tấn Viên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 365/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:***

1. Ông Trương Trung Ch, sinh năm 1945, cư trú tại: số 93B, đường Phan Bội Ch, khóm 3, phường 7, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Trung Ch: Luật sư Dư Đình V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Phan Thị Th, sinh năm 1946; cư trú tại: số 93B, đường Phan Bội Ch, khóm 3, phường 7, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Th: Ông Trương Trung Ch, sinh năm 1945, cư trú tại: Số 93B, đường Phan Bội Ch, khóm 3, phường 7, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2021) (có mặt).

*- Bị đơn:*

1. Anh Tạ Văn Kh, sinh năm 1969, cư trú tại: Ấp Phú Nh, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp Phú Nh, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Đ: anh Tạ Văn Kh, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp Phú Nh, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 05/3/2021) (có mặt).

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tạ Thanh D, sinh năm 1935; cư trú tại: Ấp Phú Nh, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tạ Thanh D: Ông Nguyễn Trung K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1947; cư trú tại: Ấp Phú Nh, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Luật sư Đur Đình V người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Trung Ch trình bày:*

Ông Ch và bà Th có phần đất diện tích 29.470m<sup>2</sup>, tại ấp Thuận Th, xã Tân T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, được Ủy ban huyện cấp giấy chứng nhận vào năm 2000. Ngày 15/6/2014 âm lịch ông, bà có ký hợp đồng thuê khoán đất với ông Tạ Văn Kh và bà Võ Thị Đ, thời gian thuê 3 năm, mỗi năm giá 40.000.000 đồng. Khi kết thúc hợp đồng thuê thứ nhất thì thống nhất làm lại hợp đồng thứ hai, thời hạn thuê là 3 năm, tính từ ngày 15/6/2017a, giá thuê cũng là 40.000.000đồng/năm. Hợp đồng lần đầu có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, hợp đồng sau thì ông Ch và bà Th ký, sau đó gửi về cho vợ chồng ông Kh ký nhưng ông Kh có báo lại là diện tích trên 10 hecta thì Ủy ban xã không chứng mà phải ra văn phòng công chứng, sau đó ông Ch có yêu cầu ông Kh ra Cà Mau công chứng nhưng ông Kh không ra mà nói là không lên nhưng đồng ý trả tiền thuê cho ông Ch, bà Th.

Do ông Kh, bà Đ trả tiền thuê không đủ nên ông, bà có khởi kiện ông Kh và bà Đ tại Tòa án yêu cầu trả số tiền thuê còn nợ là 40.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết Kh và Đ thống nhất trả 40.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả đất. Đến tháng 8/2020 Kh trả tiền thuê và hứa trả đất vào ngày 06/9/2020, vì vậy ông Ch, bà Đ thống nhất rút đơn nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ số 207/2020/QĐST-DS ngày 06/8/2020. Sau khi Tòa án đình chỉ vụ án thì

ông Ch được biết ông Kh không ra khỏi đất mà trước đó có đưa cha mẹ của ông Kh là ông Tạ Thanh D và bà Trương Thị H vào ở trên đất.

Ngày 29/9/2020 ông, bà tiếp tục có đơn khởi kiện ông Kh, bà Đ và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/10/2020. Vụ án được Tòa án giải quyết và quá trình giải quyết vụ án ông Kh, bà Đ cũng hứa giao đất, không còn ở trên đất và tháo dỡ ngôi nhà tạm nhưng ông D và bà H không giao, tiếp tục dựng liễu canh tác trên đất, hăm dọa không cho ông Ch về sử dụng đất. Ông D và bà H ở trên đất không lâu thì ra khỏi đất. Khi biết được ông D và bà H không còn ở trên đất thì ông có chuẩn bị cây gỗ để cất nhà và sử dụng đất thì bà H cùng những người con bà H gồm: Tạ Thanh T, Tạ Văn Gh và Tạ Văn S đến ném hết cây gỗ xuống sông.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng thuê đất ký kết ngày 15/6/2017 giữa ông Ch, bà Th với ông Kh và bà Đ hết hiệu lực vào ngày 15/6/2020. Buộc Tạ Văn Kh, Trương Thị Đ, Trương Thị H và Tạ Thanh D ra khỏi đất. Buộc ông Kh, bà Đ, bà H và ông D trả tiền thuê mỗi tháng là 5.000.000 đồng từ ngày 16/7/2020 al đến khi nào ra khỏi nhà, giao trả đất, trường hợp chậm trả tiền thì yêu cầu trả lãi chậm trả theo quy định.

\* Ông Trương Trung Ch thống nhất theo lời trình bày của Luật sư không có bổ sung gì thêm.

*\* Lời trình bày của bị đơn anh Tạ Văn Kh trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Ngày 15/6/2014 al anh và chị Đ có ký hợp đồng với ông Ch và bà Th để thuê phần đất diện tích hơn 29.470m<sup>2</sup>, hợp đồng do ông Ch làm, ông Ch và bà Th đã ký đưa cho anh và chị Đ, anh có đi trình cho địa phương ký chứng thực hợp đồng. Giá thuê năm đầu là 50.000.000 đồng, 2 năm sau thì mỗi năm 40.000.000 đồng. Hợp đồng hết hạn 15/6/2017al. Khi hết hạn hợp đồng ông Ch và bà Th tiếp tục cho thuê 3 năm nữa, tức hợp đồng lại từ ngày 15/6/2017 đến ngày 15/6/2020 al, hợp đồng do ông Ch làm, đưa cho anh ký và trình địa phương xác nhận, anh đưa hợp đồng lại cho ông Ch, ông Ch nói để ông Ch đi lên xã xác nhận. Khoảng tháng 9 năm 2019 ông Ch kêu anh đi lên công chứng hợp đồng, anh không lên nhưng có nói với ông Ch là anh không muốn đất nữa, anh sẽ trả đủ tiền thuê cho ông Ch do mẹ anh không cho thuê đất, mẹ anh muốn đặt vấn đề với ông Ch chuộc lại phần đất này.

Ngày 06/3/2020 khi chưa hết hợp đồng thì ông Ch khởi kiện anh và chị Đ tại Tòa án. Quá trình giải quyết anh đồng ý trả tiền nhưng chưa hết hợp đồng nên anh không đồng ý trả đất. Qua giải thích của Tòa án anh thống nhất giao trả đất. Anh và chị Đ đã giao trả tiền cho ông Ch đủ nên ông Ch rút đơn khởi kiện.

Ngày 26/7/2020 al, anh giao trả đất cho ông Ch nhưng còn nhà trên đất do ông Ch chưa xuống đất nên anh chưa bàn giao nhà đất được thì ông Ch tiếp tục khởi kiện. Quá trình Tòa án giải quyết có tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất thuê, khi Tòa án mời giải quyết anh có hứa dỡ nhà và đã dỡ nhà xong nhưng cha mẹ anh còn che cao su ở trên đất, anh có vận động cha mẹ anh ra khỏi

đất nhưng cha anh là ông D không chịu ra khỏi đất. Anh có yêu cầu địa phương và ông Ch đến để anh bàn giao đất nhưng ông Ch có ý kiến là khi nào không còn người ở trên đất ông Ch mới nhận đất.

Qua yêu cầu của ông Ch anh không đồng ý vì anh không còn ở trên đất, đã tiến hành giao đất nhưng ông Ch không nhận. Việc ông Ch yêu cầu anh, chị Đ, ông D và bà H trả tiền thuê đất mỗi tháng 5.000.000 đồng anh không đồng ý. Anh cam kết sẽ động viên ông D, bà H, các anh em của anh và cả vợ chồng anh không ngăn cản việc ông Ch vào sử dụng đất. Trường hợp có sai phạm anh chịu xử lý theo quy định của pháp luật. Công trình trên phần đất thuê là ngôi nhà tạm anh đã tháo dỡ và không có yêu cầu gì liên quan đến việc đầu tư trên đất thuê.

*\* Lời trình bày của bà Trương Thị H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:*

Việc ông Kh và bà Đ thuê đất của ông Ch, bà Th bà có biết. Trước khi kết thúc hợp đồng bà và ông D có về ở cùng ông Kh trên phần đất trên, khi hết hợp đồng thuê giữa vợ chồng ông Ch với vợ chồng anh Kh thì bà có dự định chuộc lại phần đất của ông Ch. Khi anh Kh tháo dỡ nhà bà và ông D vẫn còn ở che lều tạm ở trên đất do bà đang có yêu cầu Ủy ban xã Tân T giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà với ông Ch nhưng chưa được giải quyết, bà và ông D ở trên đất khoảng 45 ngày thì không còn ở trên đất. Trong vụ án này bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa bà với ông Ch, bà sẽ khởi kiện ông Ch bằng vụ án khác.

Qua yêu cầu của ông Ch yêu cầu bà và ông D cùng có trách nhiệm với anh Kh và chị Đ trả cho ông số tiền thuê đất mỗi tháng 5.000.000 đồng từ ngày 16/7/2020 al cho đến khi giao trả đất thì bà không đồng ý vì bà không có thuê đất của ông Ch.

*\* Đối với ông Tạ Thanh D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng đến ông D hợp lệ nhưng ông Dũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ch và không tham gia hòa giải, xét xử.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D – trợ giúp viên pháp lý ông Nguyễn Trung K trình bày:*

Lời trình bày của ông Ch và ông Kh là tương đối phù hợp về thời gian ký kết hợp đồng thuê đất, giá thuê và thời hạn kết thúc hợp đồng. Sau khi kết thúc hợp đồng anh Kh và chị Đ đã giao đất và trả tiền thuê cho ông Ch, bà Th nhưng ông Ch không nhận và không sử dụng được đất do ông D và bà H là cha mẹ của anh Kh vẫn còn ở trên đất vì đang có yêu cầu Ủy ban xã giải quyết việc tranh chấp đất đai. Ông D và bà H không liên quan đến hợp đồng thuê quyền sử dụng đất. Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D anh không có yêu cầu gì trong vụ án này, việc ông Ch, bà Th yêu cầu ông D cùng có nghĩa vụ với bà H, anh Kh và chị Đ trả tiền thuê đất cho ông, bà mỗi tháng 5.000.000 đồng anh không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông Ch rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Kh, chị Đ, ông D và bà H trả tiền thuê đất mỗi tháng 5.000.000 đồng từ khi hết hạn hợp đồng đến khi xét xử.

Luật sư Dư Đình V trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng thuê khoán đất giữa ông Ch, bà Th với anh Kh, chị Đ ký kết ngày 15/6/2017 hết thời hạn vào ngày 15/6/2020. Đối với yêu cầu trả tiền thuê ông Ch đã rút yêu cầu nên luật sư không có ý kiến.

Trợ giúp viên pháp lý ông Nguyễn Trung K trình bày: Do ông Ch đã rút yêu cầu ông D trả tiền thuê đất nên ông thống nhất và không có ý kiến.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 401, Điều 422 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà Th. Chấm dứt hợp đồng thuê đất ký kết ngày 31/7/2017 giữa ông Ch, bà Th với ông Kh, bà Đ. Đình chỉ yêu cầu của ông Ch, bà Th về việc yêu cầu ông Kh, bà Đ, ông D và bà H trả tiền thuê đất do không sử dụng được đất.

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí tố tụng của ông Ch, bà Th.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Kh và bà Đ phải chịu 300.000 đồng

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Tạ Thanh D và bà Trương Thị H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trương Trung Ch và bà Phan Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thuê đất ký kết ngày 15/6/2017 giữa ông Ch, bà Th với ông Kh và bà Đ hết hiệu lực vào ngày 15/6/2020. Buộc Tạ Văn Kh, Trương Thị Đ, Trương Thị H và Tạ Thanh D ra khỏi phần đất thuê nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp về hợp đồng thuê quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa ông Ch rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Kh, chị Đ, ông D và bà H trả tiền thuê đất mỗi tháng 5.000.000 đồng từ khi hết

hạn hợp đồng đến khi xét xử. Xét thấy việc rút yêu cầu trên của ông Ch là ý chí tự nguyện của ông nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu này của ông Ch là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Ch và anh Kh đều thừa nhận có ký kết hợp đồng thuê khoán đất nuôi trồng thủy sản đối với diện tích đất theo xem xét, thẩm định tại chỗ là 29.470m<sup>2</sup>, tại ấp Thuận Th, xã Tân T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, do ông Chánh đứng tên quyền sử dụng, có các hướng tiếp giáp:

Hướng đông: Giáp lộ Tân T – Nguyễn H

Hướng tây: Giáp đất ông Trần Văn Th

Hướng nam: Giáp đất Lê Văn Th

Hướng bắc: Giáp đất Trịnh Văn D

Hợp đồng thứ nhất ký kết vào ngày 15/6/2014 âm lịch, thời hạn thuê là 3 năm, giá thuê theo hợp đồng thể hiện năm đầu giá 50.000.000 đồng, 2 năm sau giá 40.000.000 đồng/năm, đến ngày 15/6/2017 hết hạn hợp đồng thì ông Ch, bà Th với anh Kh, chị Đ tiếp tục ký kết lại hợp đồng mới vào ngày 31/7/2017, thời hạn thuê cũng 3 năm, giá thuê mỗi năm là 40.000.000 đồng, đến ngày 15/6/2020 thì hết hạn hợp đồng. Anh Kh và chị Đ có trả tiền thuê đất đầy đủ có yêu cầu giao trả đất, nhưng cha mẹ, anh là ông D và bà H lại đến ở trên đất. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tình tiết nêu trên là có thật.

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng thuê khoán đất nuôi trồng thủy sản giữa ông Ch, bà Tho với anh Kh và chị Đ thấy rằng: Đối với hợp đồng thứ nhất hai bên trình bày không thống nhất với nhau về giá thuê nhưng đã thực hiện xong và không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét; Đối với hợp đồng thứ hai ký kết vào ngày 31/7/2017 ông Kh và ông Ch trình bày thống nhất về thời gian giao kết, thời hạn thuê và giá thuê, chỉ mâu thuẫn ở chỗ là lý do không đến cơ quan có thẩm quyền để công chứng hợp đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm ông Ch khởi kiện thì thời hạn hợp đồng cũng đã hết và anh Kh cũng đã trả tiền thuê, trả đất cho ông Ch. Về hình thức hợp đồng, hai bên ký kết hợp đồng bằng văn bản nhưng không đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai. Do vậy, căn cứ Điều 117, Điều 129, Điều 401 Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử xác định hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Trương Trung Ch, bà Phan Phan Thị Th với anh Tạ Văn Kh và chị Võ Thị Đ ký kết vào ngày 31/7/2017 bị vô hiệu do vi phạm về mặt hình thức nên không làm phát sinh hiệu lực.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là yêu cầu tuyên hợp đồng thuê khoán đất nuôi trồng thủy sản ký kết ngày 15/6/2017 giữa ông Ch, bà Th với ông Kh và bà Đ chấm dứt vào ngày 15/6/2020. Bị đơn cũng đồng ý và thực tế hợp đồng đã hết hạn và bên thuê cũng không còn ở trên đất. Do hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên và Luật sư nên căn cứ Điều

422 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ch và bà Th về việc tuyên chấm dứt hợp đồng thuê khoán đất nuôi trồng thủy sản ký kết ngày 31/7/2017 dương lịch.

Đối với công trình trên đất: là ngôi nhà tạm, cây gỗ địa phương, nền đất, mái lá do anh Kh cất vào năm 2016, anh Kh đã tháo dỡ, các đương sự không đặt ra yêu cầu gì về các công trình trên đất nên không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định thực tế là 300.000 đồng ông Ch tự nguyện chịu toàn bộ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Trung Ch không phải chịu, Anh Kh và chị Đ phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 129, Điều 131, Điều 401, Điều 422 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Trung Ch và bà Phan Thị Th.

- Tuyên chấm dứt hợp đồng thuê khoán đất nuôi trồng thủy sản ký kết ngày 31/7/2020 giữa ông Trương Trung Ch, bà Phan Thị Th với anh Tạ Văn Kh và chị Võ Thị Đ, đối với phần đất 29.470m<sup>2</sup>, tại ấp Thuận Th, xã Tân T, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau, do ông Ch đứng tên quyền sử dụng, có các hướng tiếp giáp:

Hướng đông: Giáp lộ Tân T – Nguyễn H

Hướng tây: Giáp đất ông Trần Văn Th

Hướng nam: Giáp đất Lê Văn Th

Hướng bắc: Giáp đất Trịnh Văn D

- Đình chỉ yêu cầu của ông Ch, bà Th về việc yêu cầu ông Kh, bà Đ, ông D và bà H bồi thường thiệt hại do không sử dụng được đất mỗi tháng 5.000.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trương Trung Ch và bà Phan Thị Th chịu 300.000 đồng (ông Ch đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Trung Ch không phải chịu, anh Kh và chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Kh và chị Đ chưa nộp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)  
Huỳnh Ngọc Mai**